

CS10 GC | CS11 GC | CS12 GC

MÁY LÈN ĐẤT RUNG



Công suất động cơ

U.S. EPA Tier 3, tương đương EU Stage IIIA

Độ rộng nén đất

Trọng lượng vận hành (khi có buồng lái)

CS10 GC

CS11 GC

CS12 GC

83,0 kW (111 hp)

2134 mm (84 in)

10 492 kg (23.131 lb)

11 235 kg (24.769 lb)

12 653 kg (27.894 lb)

Xem các Thông số kỹ thuật để biết thông tin chi tiết về mức xả thải của động cơ.



MÁY LÈN ĐẤT RUNG GC-SERIES

ĐEM ĐẾN MỌI THỨ BẠN MUỐN.
ĐEM ĐẾN CHÍNH XÁC NHỮNG GÌ BẠN CẦN.

Máy lèn đất rung Sê-ri GC cung cấp công nghệ sản xuất tiết kiệm chi phí và đáng tin cậy với hiệu suất vượt hơn cả sự mong đợi. Sẵn sàng để giúp bạn tăng cường năng suất làm việc, Máy lèn đất rung® GC-Series cung cấp cho bạn những cách thức mới để hoàn thành công việc với chi phí thấp nhất để bạn có thể tiết kiệm thêm chi phí.



MÁY LÈN ĐẤT RUNG GC-SERIES

Máy lèn đất rung Cat GC-Series cung cấp năng suất bạn cần với hạng máy 10-12 tấn trong khi vẫn đảm bảo độ tin cậy, tính linh hoạt và khả năng bảo dưỡng mà bạn mong đợi từ Caterpillar:

- + HIỆU SUẤT HỆ THỐNG RUNG DẪN ĐẦU TRONG NGÀNH
- + ĐỘ THOẢI MÁI VƯỢT TRỘI VÀ DỄ SỬ DỤNG
- + CÔNG NGHỆ ĐỘC QUYỀN CỦA CAT



VẬN HÀNH ĐƠN GIẢN

GC-Series có giao diện dễ sử dụng cho người vận hành với khả năng quan sát mặt đất tuyệt vời và chức năng rung tự động mang lại khả năng nén đáng tin cậy.

CHI PHÍ VẬN HÀNH THẤP

Tiết kiệm tới 18% nhiên liệu với chế độ tiết kiệm* và thu được nhiều lợi ích từ việc kéo dài khoảng thời gian giữa các lần bảo dưỡng. Tận dụng móc khớp nối không cần bảo trì với tuổi thọ đã được kiểm chứng.

TĂNG CƯỜNG KHẢ NĂNG NÉN ĐẤT

Cải thiện khả năng nén với biên độ và tải trọng tuyến tính tĩnh tăng lên, nâng cấp với bộ tải trọng XT linh hoạt và lựa chọn từ các công nghệ nén tiên tiến.

**So với khi sử dụng tốc độ động cơ không tải cao. Dữ liệu có thể thay đổi tùy theo mẫu máy cụ thể.*

SỰ THOẢI MÁI CHO NGƯỜI VẬN HÀNH

THOẢI MÁI VÀ THIẾT KẾ THÔNG MINH

ĐIỀU KHIỂN ĐƠN GIẢN

- Công tắc điều khiển rung một nút với 2 mức cài đặt
- Điều khiển đẩy và kiểm soát độ an toàn được nhóm lại ở bên phải người vận hành để dễ tiếp cận
- Chức năng rung tự động sẽ tự động bắt đầu và dừng quá trình rung dựa trên vị trí của cần đẩy
- Màn hình hiện số LED có thể cấu hình



TẦM NHÌN TUYỆT VỜI

- Các gương chiếu hậu bên trong và bên ngoài mở rộng phạm vi quan sát công trường
- Camera quan sát phía sau tùy chọn cho phạm vi quan sát phía sau máy tốt hơn
- Đèn LED nâng cấp chiếu sáng ban đêm ưu việt hơn





TẦM NHÌN TUYỆT VỜI

Các gương chiếu hậu bên trong và bên ngoài mở rộng phạm vi quan sát công trường. Camera quan sát phía sau tùy chọn nâng cao khả năng hoạt động và độ an toàn.



VẬN HÀNH THOẢI MÁI

Trụ lái nghiêng và ghế có thể điều chỉnh sẽ giảm nhức mỏi, ngoài ra, buồng thợ máy còn gắn ISO và thảm cao su trải sàn giúp giảm tiếng ồn và rung động, đem lại sự thoải mái khi vận hành.



TRỐNG NHẼ

Máy nén đất rung GC-Series được cung cấp với trống nhẵn. Sẵn có các tùy chọn cụm vỏ chân để hai chi tiết để tối đa hóa độ linh hoạt.



LỐI VÀO/RA THIẾT KẾ THÔNG MINH

Lối vào buồng thợ máy rộng giúp ra vào dễ dàng với các bậc có góc, tay vịn trái và phải tiện lợi và bề mặt lối đi chống trượt.



NÂNG CAO HIỆU QUẢ TIẾT KIÊM NHIÊN LIỆU



CHẾ ĐỘ TIẾT KIÊM SỬ DỤNG ÍT NHIÊN
LIỆU HƠN MỨC TIÊU HAO NHIÊN LIỆU

LỢI THẾ

SỬ DỤNG LÊN TỚI

18%

LƯỢNG NHIÊN LIỆU GIẢM MỖI NĂM

LƯU Ý: SỐ VỚI VẬN HÀNH BẰNG TỐC ĐỘ ĐỘNG CƠ KHÔNG TÀI CAO. DỮ LIỆU CÓ THỂ THAY ĐỔI THEO ỨNG DỤNG, MẪU XE VÀ CẤU HÌNH CỤ THỂ.

ĐỘNG CƠ MẠNH MẼ

ĐÁP ỨNG CÁC TIÊU CHUẨN XẢ THẢI

Động cơ Cat C4.4 đáp ứng các tiêu chuẩn xả thải tương đương U.S. EPA Tier 3 và EU Stage IIIA. Động cơ đáng tin cậy, vận hành êm và bền bỉ cho các ứng dụng của máy lèn đất rung.

55% KHẢ NĂNG VƯỢT ĐỐC THEO LÝ THUYẾT

CS10 GC | CS11 GC

50% KHẢ NĂNG VƯỢT ĐỐC THEO LÝ THUYẾT

CS12 GC

THIẾT KẾ ĐƠN GIẢN KẾT QUẢ TUYỆT VỜI



TẦM VƯƠN CAO HƠN VỚI GC-SERIES

- + Một nút duy nhất chuyển giữa các phạm vi tốc độ làm việc và di chuyển
- + Trục vi sai trượt giới hạn
- + Tùy chọn lốp có độ bám
- + Khả năng leo dốc vượt xa kỳ vọng

HỆ THỐNG RUNG KIỂU CẦN

Tải trọng lệch tâm kiểu cần của Caterpillar có khoảng bảo trì 3 năm, 3000 giờ và kéo dài khoảng thời gian vận hành giữa các lần bảo dưỡng.

BIÊN ĐỘ VÀ TẢI TRỌNG TUYẾN TÍNH TĨNH

Biên độ cao và tải trọng tuyến tính tĩnh tăng lên giúp đảm bảo GC-Series có thể đáp ứng các nhu cầu nén của bạn.

BỘ TẢI TRỌNG LINH HOẠT

Linh hoạt trong thiết kế. Bộ tải trọng XT tùy chọn nâng cấp các mẫu máy CS10 GC và CS11 GC lên hạng nặng hơn, cho phép chúng mở rộng phạm vi hoạt động và độ dày khối nâng cao hơn.

GC-SERIES

TĂNG CƯỜNG KHẢ NĂNG NÉN ĐẤT



CÔNG NGHỆ NHỎ GỌN CỦA CAT®

CÓ THỂ NÂNG CẤP ĐỂ ĐÁP ỨNG CÁC NHU CẦU CỦA BẠN



Cat COMPACT là gói công nghệ giúp người vận hành nén đất phù hợp với quy cách kỹ thuật với độ đồng nhất, độ đều và hiệu quả cao hơn so với việc chỉ sử dụng trực giác con người. Công nghệ Cat COMPACT rất dễ sử dụng, linh hoạt và có thể nâng cấp, cho phép bạn tùy chỉnh giải pháp của mình để đáp ứng nhu cầu ở cả hiện tại cũng như trong tương lai.



LỰC DẪN ĐỘNG MÁY (MDP)

Chỉ báo độ cứng của đất, đo năng lượng cần thiết để vượt qua lực cản lăn. MDP hoạt động với hệ thống rung bật hoặc tắt. Đo lường độ sâu 30-60 cm—khoảng độ sâu nâng điển hình và làm việc trên tất cả các loại đất, dạng hạt và kết dính.



BẢN ĐỒ GNSS

Tương quan dữ liệu nén với tọa độ vị trí vệ tinh (GPS) để cung cấp bản đồ thời gian thực nhằm giúp người vận hành hình dung về tiến độ công việc. Dữ liệu có thể được khai thác để tìm ra hiệu quả tiềm năng nhằm mang lại lợi nhuận cao hơn hoặc được sử dụng để ghi nhận về công việc cho mục đích QA/QC. Có sẵn SBAS hoặc RTK tùy thuộc vào độ chính xác vị trí mong muốn.



GIÁ TRỊ ĐO NÉN ĐẤT (CMV - COMPACTION METER VALUE)

Sử dụng gia tốc kế gắn ở trống để cung cấp chỉ dẫn về độ cứng của đất của nhiều lớp nền và dưới nền tập kết ở độ sâu tới 1,2 m. Có thể chỉ ra các vấn đề với cấu trúc đường hoặc giúp người vận hành xác định tình trạng công việc. Chỉ dành cho các ứng dụng dạng hạt.



GIAO TIẾP GIỮA CÁC MÁY

Giúp giữ cho các mẫu lăn luôn đồng bộ bằng cách chia sẻ dữ liệu được lập bản đồ như MDP, CMV, vùng bao phủ và bản đồ đếm số lần di chuyển giữa các màn hình của nhiều máy.



ĐỂ TIẾP CẬN BẢO TRÌ

Thực hiện kiểm tra hàng ngày sẽ giúp giữ cho máy của bạn hoạt động bền bỉ lâu dài. Đó là lý do tại sao chúng tôi cố gắng làm cho những kiểm tra như vậy dễ thực hiện nhất có thể. Các điểm kiểm tra hàng ngày với các bộ phận chính sẽ được nhóm lại trong phạm vi dễ với từ mặt đất. Mui xe một chi tiết độ bền cao sẽ nghiêng về phía trước nhanh chóng và dễ dàng để tiếp cận động cơ và hệ thống làm mát. Các cổng S-O-SSM được sử dụng để lấy mẫu dầu đơn giản và nhanh chóng. Tất nhiên, dịch vụ tiện lợi và tốn ít chi phí nhất hơn hết là tránh được những gì không cần thiết. Đó là lý do tại sao máy lèn đất rung GC-Series có khoảng bảo dưỡng dài và các bộ phận không cần bảo trì như móc khớp nối và ốc quy.

KÉO DÀI CHU KỲ BẢO DƯỠNG

Chu kỳ bảo dưỡng dài nhất giúp kéo dài khoảng thời gian làm việc của máy giữa các lần bảo dưỡng.

- Thay nước làm mát 12.000 giờ
- Thay dầu thủy lực 3.000 giờ
- Kiểm tra dầu ổ bi rung 3.000 giờ
- Bộ lọc và dầu động cơ 500 giờ

MÓC KHỚP NỐI KHÔNG CẦN BẢO TRÌ

Cũng giống như các máy lèn đất rung khác của Cat bạn từng biết, GC-Series có móc khớp nối không cần bảo trì (không cần bôi mỡ).

CÔNG NGHỆ CAT LINK

THỰC HIỆN PHÒNG ĐOÁN NGOÀI VIỆC QUẢN LÝ THIẾT BỊ CỦA BẠN

Ngoài việc quản lý thiết bị và công trường, thiết bị viễn tin **CAT LINK** giúp thực hiện các công việc phức tạp bằng cách thu thập dữ liệu được tạo ra từ máy, vật liệu và con người và cung cấp các dữ liệu này ở định dạng tùy chỉnh.



CAT PRODUCT LINK™

Hệ thống ProductLink™ theo dõi vị trí và giờ sử dụng máy. Hệ thống này tối ưu hóa nỗ lực chẩn đoán, lên lịch bảo trì và giảm chi phí bằng cách hỗ trợ truyền thông tin về số giờ và vị trí giữa đại lý và khách hàng.

VISIONLINK®

Truy cập dữ liệu sản phẩm mọi lúc mọi nơi với VisionLink® và sử dụng dữ liệu để đưa ra quyết định sáng suốt nhằm nâng cao năng suất, giảm chi phí, đơn giản hóa hoạt động bảo trì và cải thiện độ an toàn và an ninh tại công trường. Với các tùy chọn cấp độ đăng ký khác nhau, đại lý Cat có thể giúp bạn cấu hình chính xác nhu cầu của bạn để kết nối đội xe và quản lý công việc mà không phải trả thêm các chi phí bạn không muốn. Đăng ký sẵn có cho báo cáo dựa trên vệ tinh và/hoặc di động.



DỄ DÀNG TRUY XUẤT DỮ LIỆU MÁY

Ứng dụng Cat cung cấp dữ liệu máy cho điện thoại di động hoặc máy tính bảng để bạn có thể kiểm tra thiết bị từ công trường, văn phòng hay bất kỳ đâu giữa hai địa điểm này. Và khi được ghép cặp với các công cụ Quản lý thiết bị Cat khác, Ứng dụng Cat giúp bạn dễ dàng đưa ra quyết định thông minh và kiểm soát công việc của mình tốt hơn.

MỞ RỘNG HOẠT ĐỘNG CÓ TÙY CHỌN TĂNG NĂNG SUẤT

Các tùy chọn trống và buồng thợ máy giúp cải thiện hiệu suất, độ an toàn và độ ổn định, được thiết kế phù hợp với tải trọng và công suất của Máy lèn đất rung GC-Series.

TÙY CHỌN CỤM VỎ

Thiết kế để mặt ovan tạo kết quả nén với độ nâng dày siêu cấp bằng cách thâm nhập sâu hơn vào khối nâng. Thiết kế chêm tạo lực nén ngang và hạn chế tích vật liệu giữa các đế.

Thiết kế để mặt vuông cho kết quả nén khối nâng mỏng tốt và tạo độ kín bề mặt tốt nhất.

Nửa vỏ chân đế Cat rất phổ dụng và hoạt động trên trống 2134 mm (84 inch) của các máy B-Series và GC-Series.

LƯU Ý: Thiết kế bộ giảm chấn và mũi nạo khác nhau giữa B-Series và GC-Series. Vui lòng tham vấn Đại lý Caterpillar để biết thêm thông tin.



BỘ TẢI TRỌNG XT TÙY CHỌN ĐỂ LẮP ĐẶT TẠI CÔNG TRƯỜNG

Các bộ tải trọng này bổ sung thêm trọng lượng để nâng cấp CS10 GC lên hơn 11 tấn và CS11 GC lên hơn 12 tấn.

Tải trọng bổ sung cũng mang lại tải trọng tuyến tính tĩnh cao hơn, cho phép máy làm việc trong phạm vi ứng dụng rộng hơn và độ dày khối nâng cao hơn. Các tùy chọn này cung cấp tải trọng máy linh hoạt dành cho nhà thầu chính phủ và đội xe cho thuê.



TÙY CHỌN BUỒNG THỢ MÁY

Mái che có gắn ISO, mái che ROPS/FOPS và buồng lái ROPS/FOPS đáp ứng nhu cầu về tiện nghi của khách hàng. Nâng cấp máy có mái che bằng gói buồng lái không chính hãng để nâng cao độ thoải mái của người vận hành hoặc đáp ứng các nhu cầu thay đổi.

MÁI CHE NẰNG



MÁI CHE ROPS/FOPS



BUỒNG LÁI ROPS/FOPS



THIẾT BỊ TIÊU CHUẨN & TÙY CHỌN

Trang thiết bị tiêu chuẩn và tùy chọn có thể khác nhau. Tham khảo ý kiến đại lý Cat để biết chi tiết.

MÔI TRƯỜNG THỢ MÁY	TIÊU CHUẨN	TÙY CHỌN
Mái che có tay vịn/lan can bệ máy, Thảm trải sàn	●	
Ghế nhựa vinyl có thể điều chỉnh, đai an toàn	●	
Trụ lái nghiêng có thể điều chỉnh	●	
Ổ cắm điện 12 vôn	●	
Còi, Cảnh báo dự phòng	●	
Gương chiếu hậu bên trong	●	
Rèm cuốn che nắng bên trong buồng lái (buồng lái)		○
Buồng lái ROPS/FOPS Cab có Điều hòa không khí và Gương chiếu hậu bên ngoài		○
Ghế đệm hơi tựa lưng cao hạng sang (buồng lái)		○
Tấm che nắng/chắn bụi (Mái che)		○
Các tùy chọn gương bổ sung		○
Camera quan sát phía sau có hiển thị cảm ứng màu		○
Bộ giảm tiếng ồn		○

HỆ THỐNG RUNG	TIÊU CHUẨN	TÙY CHỌN
Trống nhẵn	●	
Biên độ kép, Tần số kép	●	
Nơi chứa trọng lượng lệch tâm kiểu cần	●	
Chức năng rung tự động	●	
Mũi nạo thép phía sau có thể điều chỉnh	●	
Cụm vỏ chân đế (để ovan hoặc vuông)		○
Mũi nạo thép đôi có thể điều chỉnh		○
Mũi nạo Polyurethane đôi có thể điều chỉnh		○

HỆ THỐNG TRUYỀN LỰC	TIÊU CHUẨN	TÙY CHỌN
Động cơ diesel Cat® C4.4, 4 xylanh	●	
Chế độ tiết kiệm	●	
Bơm chân vịt	●	
Máy lọc nhiên liệu, Bộ tách nước, Bơm mồi, Chỉ báo nước	●	
Bộ tản nhiệt/Máy làm mát dầu thủy lực	●	
Hệ thống Phanh kép	●	
Hộp số thủy tĩnh 2 tốc độ	●	
Bảo vệ hộp số		○

GIẢI PHÁP CÔNG NGHỆ	TIÊU CHUẨN	TÙY CHỌN
Đo - Công suất truyền động máy và/hoặc CMV		○
Sơ đồ - Sơ đồ SBAS GNSS		○
Kết nối - Khả năng kết nối giữa đám mây và máy		○

ĐIỆN	TIÊU CHUẨN	TÙY CHỌN
Hệ thống điện 12 vôn	●	
Máy phát 120 ampe	●	
Điện dung ắc quy Amp khởi động nguội 900	●	

KHÁC	TIÊU CHUẨN	TÙY CHỌN
Product Link™	●	
Dụng cụ quan trắc đo mức dầu thủy lực và mức nước làm mát của bộ tản nhiệt	●	
Van lấy mẫu S-O-S™: Dầu động cơ, Dầu thủy lực và Chất làm mát	●	
Gói đèn LED nâng cấp		○
Đèn hiệu quay màu hổ phách		○
Lốp ta-lông nổi hoặc chữ V		○
Bộ tải trọng XT		○

QUY CÁCH KỸ THUẬT

ĐỘNG CƠ	
Kiểu động cơ	Cat C4.4
Xả thải	US EPA Tier 3 Tương đương EU Stage IIIA
Tổng công suất ISO 14396	83,0 kW 111,3 hp
Tổng công suất SAE J1995	83,8 kW 112,4 hp
Công suất có ích ISO 9249*	79,4 kW 106,5 hp
Công suất có ích J1349*	78,5 kW 105,3 hp
Thể tích thay thế	4,4 L 268,5 in ³
Hành trình pit-tông	127 mm 4,1 in
Lỗ	105 mm 4,1 in
Tốc độ di chuyển tối đa (Tiền hoặc Lùi)	11,0 km/giờ 6,84 dặm/giờ
Khả năng leo dốc theo lý thuyết, có hoặc không có tính năng rung**	
CS10 GC	55%
CS11 GC	55%
CS12 GC	50%

* Công suất có ích được thông báo là công suất khả dụng tại bánh đà động cơ khi được trang bị quạt ở tốc độ tối đa, máy lọc không khí, mô đun xả thải sạch và máy phát.

** Khả năng leo dốc thực tế có thể khác nhau dựa trên điều kiện thực tế và cấu hình máy. Tham khảo Sách hướng dẫn vận hành và bảo trì để biết thêm thông tin.

TRỌNG LƯỢNG MÁY	
Trọng lượng vận hành khi có mái che	
CS10 GC	10 160 kg 22.400 lb
CS11 GC	10 904 kg 24.038 lb
CS12 GC	12 321 kg 27.163 lb
Trọng lượng vận hành khi có mái che ROPS/FOPS	
CS10 GC	10 338 kg 22.791 lb
CS11 GC	11 081 kg 24.430 lb
CS12 GC	12 499 kg 27.555 lb
Trọng lượng vận hành khi có buồng lái ROPS/FOPS	
CS10 GC	10 492 kg 23.131 lb
CS11 GC	11 235 kg 24.769 lb
CS12 GC	12 653 kg 27.894 lb
Trọng lượng tại trống khi có mái che	
CS10 GC	5785 kg 12.754 lb
CS11 GC	6058 kg 13.354 lb
CS12 GC	7646 kg 16.857 lb
Trọng lượng tại trống khi có mái che ROPS/FOPS	
CS10 GC	5855 kg 12.907 lb
CS11 GC	6127 kg 13.507 lb
CS12 GC	7715 kg 17.009 lb
Trọng lượng tại trống khi có buồng lái ROPS/FOPS	
CS10 GC	5897 kg 13.001 lb
CS11 GC	6170 kg 13.602 lb
CS12 GC	7758 kg 17.104 lb

HỆ THỐNG RUNG	
Biên độ danh định - Cao	2,0 mm 0,079 in
Tần số ở Chế độ không tải cao	30,0 Hz 1800 vòng/phút
Tần số ở Chế độ tiết kiệm	28,6 Hz 1716 vòng/phút
Biên độ danh định - Thấp	1,0 mm 0,039 in
Tần số ở Chế độ không tải cao	33 Hz 1980 vòng/phút
Tần số ở Chế độ tiết kiệm	31,5 Hz 1890 vòng/phút
Lực li tâm	
Tối đa	250 kN 56.200 lb
Tối thiểu	149 kN 33.500 lb
Tải trọng tuyến tính tĩnh có Mái che nắng	
CS10 GC	27,1 kg/cm 151,8 lb/in
CS11 GC	28,4 kg/cm 159,0 lb/in
CS12 GC	35,8 kg/cm 200,6 lb/in
Tải trọng tuyến tính tĩnh có Mái che ROPS/FOPS	
CS10 GC	27,4 kg/cm 153,6 lb/in
CS11 GC	28,7 kg/cm 160,8 lb/in
CS12 GC	36,2 kg/cm 202,5 lb/in
Tải trọng tuyến tính tĩnh có Buồng lái ROPS/FOPS	
CS10 GC	27,6 kg/cm 154,8 lb/in
CS11 GC	28,9 kg/cm 161,9 lb/in
CS12 GC	36,4 kg/cm 203,6 lb/in
Phân loại kiểu Pháp, dữ liệu/loại có buồng lái ROPS/FOPS	
CS10 GC	39,1 VM2
CS11 GC	40,9 VM3
CS12 GC	51,4 VM3

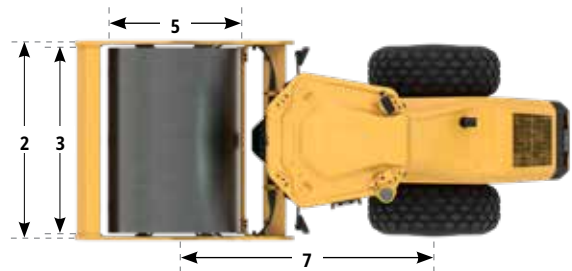
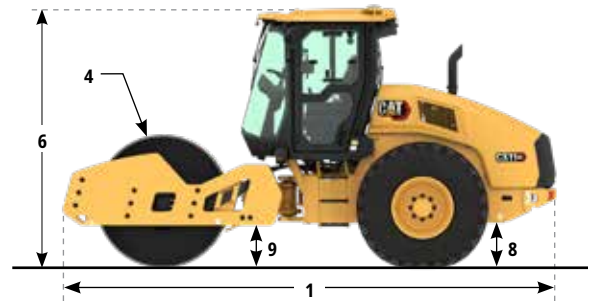
DUNG TÍCH ĐỒ DẦY LẠI KHI BẢO DƯỠNG	
Bình nhiên liệu (tổng dung tích)	248 L 65,6 gal
Hệ thống làm mát	18,5 L 4,9 gal
Dầu Động cơ có Bộ lọc	9,5 L 2,5 gal
Nơi chứa trọng lượng lệch tâm (kết hợp)	26 L 6,9 gal
Trục và truyền động cuối cùng	10 L 2,6 gal
Thùng thủy lực (đồ dầy bảo dưỡng)	23 L 6,1 gal

KÍCH THƯỚC TRỐNG NHẪN

1	Tổng chiều dài	5,70 m 18,71 ft
2	Chiều rộng toàn bộ	2,30 m 7,53 ft
3	Chiều rộng trống	2134 mm 84 in
4	Độ dày vỏ trống	25 mm 0,98 in
5	Đường kính trống	1535 mm 60,4 in
6	Chiều cao tổng thể	3,0 m 9,8 ft
	có tùy chọn Cụm vỏ chân đế	3,03 m 9,93 ft
7	Khoảng cách bánh trước - bánh sau	3,0 m 9,8 ft
8	Khoảng sáng gầm xe	518 mm 20,4 in
9	Khoảng trống thành trống	492 mm 19,4 in
	Bán kính quay vòng bên trong	3,86 m 12,7 ft
	Góc khớp móc	34°
	Góc dao động móc	15°

QUY CÁCH KỸ THUẬT CỦA BỘ VỎ ĐỆM TÙY CHỌN

Số đế	120
Chiều cao đế (đế hình ovan)	89,9 mm 3,5 in
Vùng mặt đế (đế hình ovan)	63,5 cm ² 9,8 in ²
Chiều cao đế (đế hình vuông tùy chọn)	89,9 mm 3,5 in
Vùng mặt đế (đế hình vuông tùy chọn)	105,7 cm ² 16,4 in ²
Số đế	16



Để biết thêm thông tin đầy đủ về các sản phẩm, dịch vụ đại lý và giải pháp trong ngành của Cat, hãy truy cập trang web của chúng tôi tại www.cat.com

© 2021 Caterpillar
Bảo lưu mọi quyền

Các vật liệu và quy cách kỹ thuật có thể thay đổi mà không báo trước. Các loại máy có tính năng như trong hình có thể gồm các thiết bị bổ sung. Hãy gặp đại lý Cat để biết các tùy chọn có sẵn.

CAT, CATERPILLAR, LET'S DO THE WORK, các logo tương ứng, "Caterpillar Corporate Yellow", bao bì thương mại "Power Edge" và Cat "Modern Hex" cũng như hệ thống nhận diện doanh nghiệp và sản phẩm được sử dụng tại đây là các nhãn hiệu thương mại của Caterpillar và không được sử dụng nếu không được phép.

VisionLink là thương hiệu của Trimble Navigation Limited, được đăng ký tại Hoa Kỳ và các quốc gia khác.



QVDQ2247-03 (09-2021)
Số phiên bản: 01A
LRC

